

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa
chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn
Thanh H*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

2. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1937;

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3.2. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1955;

Địa chỉ cư trú: Số nhà x, hẻm x, ngách xx, ngõ y, DQ/Hàm, tổ x, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

(Chị T, anh H vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10 tháng 12 năm 2020 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 08 tháng 6 năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu say rồi đánh chửi chị, anh H còn xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị. Chị đã cho anh H cơ hội để sửa chữa nhưng anh H không thay đổi. Hai bên gia đình đã phân tích, động viên nhưng mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Anh chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

1.2. Về quan hệ con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh H có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2015. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Nguyễn Bảo A, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, trường hợp anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chị cũng đồng ý. Hiện nay, con chung đang ở cùng chị, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

1.3. Về quan hệ tài sản: Chị và anh Nguyễn Thanh H không có tài sản gì chung; không vay nợ chung của cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai đề ngày 16 tháng 11 năm 2020 và tại Đơn đề nghị Tòa án tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt đề ngày 10 tháng 12 năm 2020, bị đơn là anh Nguyễn Thanh H trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã cho nhau cơ hội để khắc phục, cải thiện tình

cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

2.2. Quan hệ con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Phương T có 01 con chung như chị T đã trình bày. Ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi con anh cũng đồng ý. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng.

2.3. Quan hệ tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị Phương T không có tài sản gì chung, không vay nợ chung của cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào khác và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Anh H còn đề nghị: Anh đã nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng do điều kiện công việc của anh rất bận, không thể có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư để tham gia phiên họp và phiên tòa theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, anh đề nghị Tòa án cho phép anh vắng mặt tại phiên họp, vắng mặt tại phiên tòa và giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt anh.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng đề ngày 19 tháng 11 năm 2020, bà Hoàng Thị C, là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn giữa chị T và anh H đúng như anh H, chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thường uống rượu say rồi chửi, đánh chị T. Anh H không quan tâm đến gia đình, kinh tế vợ chồng riêng biệt, không liên quan đến nhau. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh H, là người mẹ bà không mong muốn anh chị phải ly hôn để con chung của anh chị thiếu vắng tình cảm của cha, mẹ, nhưng chị T cứ kiên quyết xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị T vì anh chị không có khả năng đoàn tụ. Về con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cho chị T nuôi con Nguyễn Bảo A. Bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ chị T chăm sóc cháu A.

4. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 20 tháng 11 năm 2020, ông Nguyễn Đức T, là bác ruột của anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Về thời gian, quá trình kết hôn và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn giữa chị T và anh H đúng như anh H trình bày. Nay chị T xin ly hôn anh H, ông không mong muốn anh chị ly hôn, tuy nhiên mâu thuẫn của anh chị đã

thực sự căng thẳng. Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung như anh H và chị T trình bày. Việc giải quyết về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa anh H và chị T, ông đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh H, chị T và quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản: Ông không nắm được cụ thể.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, đại diện UBND xã và cơ sở thôn cung cấp như sau: Về quá trình kết hôn giữa chị T và anh H đúng như chị trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi. Nay chị T xin ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật và nguyện vọng của anh chị để giải quyết. Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh H và chị T ly hôn, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật, nguyện vọng của anh chị để giải quyết, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu Bảo A. Về tài sản: Địa phương không nắm được cụ thể. Về nợ: Chị T và anh H không vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016:

Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2015. Chấp nhận việc anh Nguyễn Thanh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con Bảo A đủ 18 tuổi.

Quan hệ tài sản: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh H phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phương T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh H có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thanh H đều có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thanh H đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 08 tháng 6 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị T còn cho rằng anh H không quan tâm đến gia đình, kinh tế vợ chồng riêng biệt, không liên quan đến nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã cho nhau cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng và cũng được hai bên gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị xác định sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hai bên cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn.

Qua xác minh tại UBND xã V cũng thể hiện chị T và anh H sống ly thân mỗi người một nơi.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H.

[2.2] Quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thanh H có 01 con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2015, hiện tại đang do chị T nuôi dưỡng. Xét điều kiện của chị T, quan điểm về con chung của chị T và anh H thấy: Chị T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H cũng nhất trí để chị T nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Bảo A. Anh Nguyễn Thanh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/1 tháng, kể

từ tháng 12 năm 2020 đến khi con Bảo A đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.3] Quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Thanh H.

2. Quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Bảo A, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2015. Anh Nguyễn Thanh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 12 năm 2020 đến khi con Bảo A đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0003972 ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí. Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình
(GCNKH số 36/2014 ngày 08/6/2014);
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)